TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1410/2025/QĐ-TTHT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Bổ nhiệm Chủ nhiệm công trình)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHKT

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật;
- Căn cứ yêu cầu triển khai thực hiện nhiệm vụ và năng lực chuyên môn của cán bộ;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Bổ nhiệm ông Lê Thanh Nghị giữ chức vụ Chủ nhiệm công trình thực hiện Hợp đồng số 161/2025/HĐTV-QLB-PTKHKT ký ngày 14/10/2025, Gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" Dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1".

Điều 2: Chủ nhiệm công trình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công việc thuộc phạm vi gói thầu được giao; quản lý tiến độ, chất lượng, khối lượng công việc; thực hiện các thủ tục mua vật tư, thiết bị, lấy các hóa đơn chứng từ có liên quan đến công trình và hoàn thiện công tác nghiệm thu thanh quyết toán theo quy định của trung tâm và quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau khi kết thúc công trình và hoàn thành , được nghiệm thu, thanh quyết toán theo qui định hiện hành.

Điều 4: Các bộ phận chức năng thuộc Trung tâm và ông Lê Thanh Nghị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận
- Như điều 4
- Lưu TT.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

PGS.TS Nguyễn Trường Xuân

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG
Số 161/2025/HĐTV-QLB-PTKHKT ký ngày 14/10/2025

TT	Họ và tên	Tên hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	Lê Thanh Nghị	Gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" Dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1".	14/10/2025 - 24/11/2025	Chủ nhiệm
2	Trần Xuân Lộc			Thành viên
3	Nguyễn Thế Hiệp			Thành viên

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2025
GIÁM ĐỐC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

PGS.TS Nguyễn Trường Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

Cán bộ tham gia đề tài nghiên cứu khoa học sản xuất năm học 2025-2026

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Tổng giá trị HĐ (đồng)	Số tiền chuyển về (đồng)	Số tiền thực nộp về trường	Chủ nhiệm Hợp đồng	Người tham gia
1	Gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" Dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1".	161/2025/ HĐTV-QLB-PTKHKT ký ngày 14/10/2025	247.153.848	247.153.848	4.576.923	Lê Thanh Nghị	Trần Xuân Lộc Phạm Thế Hiệp

XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG PHÂN BỔ GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUY ĐỔI (NĂM HỌC 2025-2026)

Tên đề tài: Gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" Dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1".

Số HĐ: 161/2025/HĐTV-QLB-PTKHKT ký ngày 14/10/2025

Chủ nhiệm HĐ: Lê Thanh Nghị

Số giờ của CN: (Chủ nhiệm phân bổ trực tiếp)

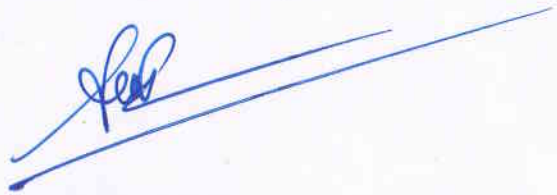
Số giờ của TK:

Số giờ của các TV: 45,8

Tổng số giờ: **45,8**

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị công tác	Vai trò trong đề tài	Số tháng tham gia	Tỷ lệ đóng góp (%)	Số giờ NCKH quy đổi phân bổ	Ghi chú
1	Lê Thanh Nghị	ThS	Bm Đo ảnh và VT	Chủ nhiệm đề tài	1,5	60,0	27,5	
2	Trần Xuân Lộc	ThS	Trung tâm HTPTKHKT	Thành viên	0,5	20,0	9,2	
3	Nguyễn Thế Hiệp	ThS	Tổ máy Trắc địa	Thành viên	0,5	20,0	9,2	
Tổng cộng						100,0	**45,8**	

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Lê Thanh Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2025

HỢP ĐỒNG

Tư vấn xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng

Số: 161 /2025/HĐTV-QLB-PTKHKT

Gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng"

Dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1"

giữa

TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH

VÀ

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1. Diễn giải
Điều 2. Loại hợp đồng
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
Điều 4. Trao đổi thông tin
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng
Điều 6. Thuế
Điều 7. Nội dung, khối lượng, phạm vi công việc thực hiện
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm
Điều 9. Giá hợp đồng
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư
Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu
Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu
Điều 15. Bảo hiểm
Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng
Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng
Điều 18. Chấm dứt hợp đồng
Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng
Điều 20. Nghiệm thu sản phẩm
Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng
Điều 22. Thanh toán
Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp
Điều 24. Phạt, bồi thường thiệt hại
Điều 25. Điều khoản chung
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng
Điều 3. Giá hợp đồng
Điều 4. Điều chỉnh hợp đồng
Điều 6. Chấm dứt hợp đồng
Điều 7. Nghiệm thu
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng
Điều 9. Thanh toán
Điều 10. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp
Điều 11. Phạt, bồi thường thiệt hại
Điều 12. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
Luật Xây dựng ngày 18/6/2014	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 35/2023/NĐ-CP	Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
Nghị định số 175/2024/NĐ-CP	Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 tháng 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 14 tháng 10 năm 2025, tại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là Bên A):

Tên giao dịch: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Công ty TNHH

Đại diện là: Ông Hồ Sỹ Tùng Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Địa chỉ: Số 6/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, TP Hà Nội

Tài khoản: 112000002405

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Chương Dương - Hội sở

Mã số thuế: 0100108624

Điện thoại: 024. 38271513 **Fax:** 024. 38272597

(Thực hiện trách nhiệm của người được ủy quyền theo Quyết định số 6964/QĐ-QLB ngày 29/10/2024)

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (sau đây gọi tắt là Bên B):

Tên giao dịch: Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật

Đại diện là: Ông Nguyễn Trường Xuân Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội.

Tài Khoản: 1462201005013 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh Tây Đô.

Mã số thuế: 0100764383

Điện thoại: 035.4806361

Giấy phép đo đạc bản đồ: Số đăng ký: 01791, ngày cấp: 28/4/2025, cơ quan cấp: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng Gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1" như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14/6/2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025 ;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 sửa đổi Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2009/TT-BTNMT ngày 18/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BTNMT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quan trắc khí tượng;

Căn cứ Quyết định số 11/2008/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng;

Căn cứ Quyết định số 6513/QĐ-QLB ngày 23/9/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng Sân bay Long Thành" và dự toán gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" dự án thành phần 2 "Các

công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1";

Căn cứ Quyết định số 6730/QĐ-QLB ngày 30/9/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1";

Căn cứ phê duyệt của Chủ đầu tư tại Tờ trình số 973/TTr-QLDALT ngày 30/9/2025 của Ban Quản lý dự án Long Thành về việc chấp thuận nhà thầu dự kiến thực hiện gói thầu "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1";

Căn cứ Quyết định số 7024/QĐ-QLB ngày 08/10/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Xây dựng sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1";

Căn cứ Thông báo số 7109/TB-QLB ngày 13/10/2025 của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam về việc thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Xây dựng sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" tại sân bay Long Thành;

Căn cứ Công văn số 160 /CV-TTHT ngày 13/10/2025 của Trung tâm hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật về việc chấp thuận ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu "Xây dựng sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" tại sân bay Long Thành;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

2. Nhà thầu là: Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật

3. Dự án là: dự án thành phần 2 "Các công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án "Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1".

4. Gói thầu là: gói thầu "Xây dựng sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng".

5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

6. Đại diện Nhà thầu là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.

7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng theo quy định tại Điều 3: Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên.

8. Tài liệu hợp đồng là: các tài liệu được liệt kê trong hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của hợp đồng.

9. Giá hợp đồng là: tổng số tiền ghi trong hợp đồng. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí.

10. Dịch vụ là toàn bộ công việc do nhà thầu thực hiện theo hợp đồng.

11. Hoàn thành là việc Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng.

12. Ngày hợp đồng có hiệu lực là ngày được quy định tại ĐKCT.

13. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

14. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

15. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

16. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: quy định tại **ĐKCT.**

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng kèm theo các phụ lục hợp đồng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu và Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Các chỉ dẫn kỹ thuật;

e) Biên bản hoàn thiện hợp đồng hoặc tương đương;

g) Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có);

h) Các phụ lục của hợp đồng;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

3. Địa chỉ trao đổi thông tin:

- Bên A: Ban Quản lý dự án Long Thành

Tầng 2 nhà C, số 6/200 đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Hà Nội.

+ Điện thoại: 024.38271513#8719.

+ Email: Longthanh@vatm.vn

- Bên B: Trung tâm Hỗ trợ phát triển khoa học kỹ thuật

Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội.

+ Điện thoại: 035.4806361

+ Email: tthotro.mdc@gmail.com

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng quy định tại **ĐKCT**.

Điều 6. Điều chỉnh thuế

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

Điều 7. Nội dung, khối lượng, phạm vi công việc thực hiện

Yêu cầu xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại sân bay Long Thành.

Khối lượng, phạm vi công việc: Đo đạc, xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại sân bay Long Thành.

Nội dung, khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác được nêu tại Phụ lục 1, 2 kèm theo.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

1. Chất lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Bên B hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Báo cáo, sản phẩm giao nộp:

a. Báo cáo tiến độ: 01 tuần/lần vào ngày làm việc cuối cùng của tuần. Số lượng 02 bản.

b. Báo cáo tổng kết quá trình thi công, tổng hợp kết quả. Số lượng: 08 bản

c. Sản phẩm giao nộp bao gồm: Số lượng 08 bộ.

- Báo cáo thành quả thống kê đầy đủ các dữ liệu theo yêu cầu về thông tin tiêu điểm, điểm quan trắc và kết quả tính toán;

- Sơ đồ lưới điểm quan trắc theo hai loại tỷ lệ sơ đồ ở 2 giai đoạn của hợp đồng như sau:

* Giai đoạn 1:

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban ngày dải cự ly gần từ 800m đến 2000m

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban ngày dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban đêm dải cự ly xa từ 3000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

* Giai đoạn 2:

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban ngày dải cự ly gần từ 0m đến 800m

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban ngày dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban đêm dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

+ Sơ đồ lưới điểm quan trắc ban đêm dải cự ly xa từ 2000m đến 3000m.

+ Sơ đồ tổng hợp lưới điểm quan trắc ban ngày dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

+ Sơ đồ tổng hợp lưới điểm quan trắc ban ngày dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

+ Sơ đồ tổng hợp lưới điểm quan trắc ban đêm dải cự ly gần từ 0m đến 2000m

+ Sơ đồ tổng hợp lưới điểm quan trắc ban đêm dải cự ly xa từ 2000m đến cự ly của tiêu điểm xa nhất

Trên mỗi sơ đồ hệ thống tầm nhìn ngang khí tượng, ngoài các thông tin cần có theo quy định về bản đồ, sơ đồ thì phải thể hiện vị trí quan trắc, vị trí của từng tiêu điểm theo các dải cự ly, vị trí của đường cất hạ cánh sử dụng, bảng thông số của tiêu điểm và vòng tròn thể hiện các dải cự ly.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng: Giá hợp đồng được xác định với số tiền quy định tại **ĐKCT**.

2. Nội dung của giá hợp đồng bao gồm: Chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, chi phí phục vụ công tác khảo sát, chi phí thuế giá trị gia tăng và là toàn bộ chi phí để hoàn thành nội dung công việc của hợp đồng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong khoảng thời gian nêu tại **ĐKCT** kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của Bên A hoặc Bên B, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết Phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

2. Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Việc điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng và điều kiện quy định như sau:

- Chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký.

- Khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì Bên A và Bên B tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:

a) Bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của Bên A và Bên B;

b) Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

5. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Bên A và Bên B thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì Bên

A và Bên B chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.

6. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá Hợp đồng và không loại trừ trách nhiệm của Bên B nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm có quyền tác giả).

e) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do Bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

- Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc được quy định trong hợp đồng.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Bên B để hoàn thành công việc theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng nhân sự của Bên B sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

k) Sản phẩm phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân sự cần thiết ghi trong hợp đồng để thực hiện công việc.

l) Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm;

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định...với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

p) Phải hoàn trả Bên A toàn bộ giá trị xuất toán mà Bên A thanh toán thừa hoặc thanh toán cho Bên B không đúng quy định của Nhà nước khi có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả khi hợp đồng đã được thanh lý).

q) Bên B phải có trách nhiệm cùng Bên A giải trình các nội dung trong hợp đồng và hồ sơ quyết toán với các cơ quan có thẩm quyền nếu được yêu cầu.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A:

a) Được quyền sở hữu sản phẩm theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Bên B.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

e) Yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp cho Bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

e) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến dự án và gói thầu; tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

g) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Bên B.

h) Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc.

i) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân sự của Bên B

1. Nhân lực của Bên B phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật và yêu cầu của hợp đồng.

Bên B phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong hợp đồng trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải báo cáo trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế và được và được sự chấp thuận của Bên A.

2. Nhân sự tham gia thực hiện được nêu tại Phụ lục 3.

Trường hợp thay đổi nhân sự, Bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Bên A, người thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B thì nhân sự đó coi như được Bên A chấp thuận.

3. Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Bên A và Bên B thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở phụ lục điều chỉnh hợp đồng.

6. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Bên B sẽ giữ bản quyền công việc do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần xin phép Bên B.

2. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A.

3. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

4. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của Bên B trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

5. Bên A và Bên B phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng.

6. Bên A không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên B cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Bên B không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Bên A cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

7. Nghĩa vụ của Bên A và Bên B quy định tại Mục 5 và Mục 6 điều này không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

a) Thông tin mà Bên A hoặc Bên B cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;

b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Bên A hoặc Bên B;

c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;

d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

8. Các quy định tại Mục 5 không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

9. Các quy định tại Mục 5 tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

Điều 15. Bảo hiểm

Bên B mua duy trì các loại bảo hiểm theo quy định.

1. Bên B có trách nhiệm mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Bên B chịu trách nhiệm về việc mua bảo hiểm trước khi thực hiện công việc theo hợp đồng.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng trong tương lai. Trong hợp đồng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

3. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 48 giờ kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

5. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Bên B phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên B phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Bên A đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

6. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành). Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên A phải xem xét quyết định các đề nghị của Bên B.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

7. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên A có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

Bên A có thể tạm dừng các khoản thanh toán cho Bên B bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Bên B có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Bên B nhận được thông báo tạm dừng.

2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc.

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng sau thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng thời gian quy định tại **ĐKCT** mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng, hoặc quy định tại **ĐKCT** liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

đ) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.

e) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

g) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên A có thể thuê các Bên B khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Bên Bnày có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu quy định tại **ĐKCT** trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT**.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp sau khoảng thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian quy định tại **ĐKCT**.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9. Giá hợp đồng và Điều 22. Thanh toán cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, các chi phí khác...).

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

a) Việc quyết toán hợp đồng là việc xác định tổng giá trị cuối cùng của hợp đồng mà Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B khi Bên B hoàn thành tất cả các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 07 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành;

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài hợp đồng (bản gốc).

c) Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho Bên B.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18. Chấm dứt hợp đồng và sau khi dự án được phê duyệt quyết toán.

Điều 20. Nghiệm thu

1. Nghiệm thu được tiến hành theo quy định tại **ĐKCT** sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu, sản phẩm do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu. Những sai sót trong sản phẩm Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Nghiệm thu theo yêu cầu kỹ thuật.

3. Bên B có trách nhiệm giải thích, làm rõ phương pháp thực hiện, điều chỉnh, bổ sung dữ liệu, quy trình thực hiện trong trường hợp Bên A, Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu.

4. Bên B có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, nghiệm thu nội bộ theo đúng quy trình sản xuất. Hồ sơ kiểm tra, nghiệm thu nội bộ của Nhà thầu được thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên môi trường.

5. Bên B có trách nhiệm xây dựng và gửi bài nghiệm thu cho bên A trên cơ sở yêu cầu kỹ thuật và phương án kỹ thuật được Bên A chấp thuận chậm nhất 03 ngày trước thời điểm nghiệm thu. Nội dung các bài nghiệm thu này phải được thống nhất giữa 2 bên trước khi tiến hành nghiệm thu.

Điều 21. Thời gian thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể tại Mục 4.4 Phụ lục số 1, với tổng thời gian thực hiện được quy định tại **ĐKCT**.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

Điều 22. Thanh toán

1. Tiến độ thanh toán:

Số lần thanh toán quy định tại **ĐKCT**.

Giá trị mà Bên A sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể quy định tại **ĐKCT**.

Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

Trong vòng thời gian quy định tại **ĐKCT**, kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A phải thanh toán cho Bên B.

2. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Thanh toán lần 1:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc);

+ Biên bản bàn giao sản phẩm (bản gốc);

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được ký bởi đại diện 2 bên (Bản gốc);

+ Hóa đơn tài chính 100% giá trị nghiệm thu giai đoạn 1 (Bản in điện tử);

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (bản gốc);

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài hợp đồng (bản gốc);

+ Phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi nội dung hợp đồng (nếu có).

- Thanh toán lần 2:

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc);

+ Biên bản bàn giao sản phẩm (bản gốc);

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được ký bởi đại diện 2 bên (Bản gốc);

+ Hóa đơn tài chính 100% giá trị nghiệm thu giai đoạn 2 (Bản in điện tử);

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (bản gốc);

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài hợp đồng (bản gốc);

+ Phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp thay đổi nội dung hợp đồng (nếu có).

- Thanh toán lần 3 (lần cuối cùng):

+ Giấy đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc);

+ Biên bản thanh lý hợp đồng được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên (Bản gốc);

+ Biên bản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) (Bản gốc).

3. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng thời gian quy định tại **ĐKCT**. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: quy định tại **ĐKCT**.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa Kinh tế - Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 24. Phạt, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại **ĐKCT** thì phạt quy định tại **ĐKCT** nhưng tổng số tiền phạt không quá quy định tại **ĐKCT**.

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 9. Giá hợp đồng và Điều 22. Tạm ứng và thanh toán thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

2. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: quy định tại **ĐKCT**.

Điều 25. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm quy định tại **ĐKCT**.

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu sẽ giữ quy định tại **ĐKCT**.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt Nam.

Điều 3. Giá hợp đồng

Giá hợp đồng: **459.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi chín triệu đồng*)

(Đã bao gồm thuế VAT 8% và các loại chi phí liên quan)

* Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

Điều 4. Điều chỉnh khối lượng công việc trong Hợp đồng

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

Điều 5. Nhân sự của Nhà thầu

Theo Phụ lục 3 của Hợp đồng này.

Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A về việc thay đổi nhân sự do người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A có thể chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 21. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng (Phần 3-ĐKC), hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

2. Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày.

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian 05 ngày.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 23. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp (Phần 3-ĐKC), sau khoảng thời gian 20 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

Do hiện trạng sân bay quốc tế Long Thành vẫn đang trong quá trình xây dựng. Khu vực xung quanh ATC vẫn chưa định hình hoàn thiện, các địa vật trong sân bay cũng đang trong công tác hoàn thiện và lắp đặt thiết bị. Vì vậy dự kiến dự án thi công làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thi công đo đạc xây dựng các tiêu điểm ban ngày ở dải cự ly từ 800 m trở lên và các tiêu điểm ban đêm ở dải cự ly từ 3000 m trở lên.

- Giai đoạn 2: Thi công đo đạc xây dựng các tiêu điểm còn lại.

Vì vậy, công tác Nghiệm thu được tiến hành 02 giai đoạn theo tiến độ thi công nêu trên.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Thời gian thực hiện công việc với tổng thời gian thực hiện là 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (được chia làm 02 giai đoạn, mỗi giai đoạn thực hiện 15 ngày không liên tục), thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng.

Điều 9. Thanh toán

1. Tiến độ thanh toán

- Số lần thanh toán là 03 lần.

- Giá trị mà Bên A sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là:

Thanh toán lần 1: Thanh toán đến 90% giá trị sản phẩm sau khi sản phẩm đã được nghiệm thu giai đoạn 1.

Thanh toán lần 2: Thanh toán đến 90% giá trị sản phẩm sau khi sản phẩm đã được nghiệm thu giai đoạn 2.

Thanh toán lần 3 (lần cuối cùng): giá trị còn lại sau khi đã trừ các khoản phạt và bồi thường thiệt hại (nếu có) và khi hồ sơ quyết toán dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hai bên ký thanh lý hợp đồng.

Khoảng thời gian Bên A phải thanh toán cho Bên B khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B là 07 ngày.

Điều 10. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 05 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là tối đa 30 ngày.

Trường hợp thương lượng, hòa giải không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể thương lượng, hòa giải, một trong các bên có quyền đưa ra tranh chấp ra giải quyết tại Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Án phí do Bên thua kiện phải chịu.

Điều 11. Phạt, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm hợp đồng

Tỷ lệ phạt là 0,4% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm hợp đồng cho 01 ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

Khi đạt đến mức tối đa, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định.

2. Bồi thường thiệt hại: Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ 3 có liên quan trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế trong quá trình thực hiện hợp đồng mà gây thiệt hại cho bên A và bên thứ 3 có liên quan.

Điều 12. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm: hai bên ký kết hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 32 trang và 03 Phụ lục được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 06, Nhà thầu giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Nguyễn Trường Xuân	Hồ Sỹ Tùng

Phụ lục 1

PHẠM VI, KHỐI LƯỢNG VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Hợp đồng số 161 /2025/HĐTV/QLB-PTKHKT)

1. Quy mô: Đo đạc, xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng tại sân bay Long Thành.

2. Địa điểm: Tại cảng hàng không sân bay Long Thành

3. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Chi tiết được nêu tại nội dung yêu cầu về vị trí quan trắc.

4. Yêu cầu kỹ thuật:

4.1. Yêu cầu về vị trí quan trắc:

a. Quy định về vị trí quan trắc

- Tài liệu ICAO Phụ ước 3 (Mục 1.3 Phụ đính 3): Các quan sát viên tại sân bay nên được đặt ở vị trí phù hợp nhất có thể, nhằm cung cấp dữ liệu đại diện cho khu vực mà các quan sát cần được thực hiện.

- Tài liệu của Tổ chức khí tượng thế giới "Hướng dẫn về thiết bị và phương thức quan trắc", Phần I quy định: Vị trí để quan trắc mây và tầm nhìn nên càng thông thoáng càng tốt và giúp cho việc quan sát diện rộng bầu trời và mặt đất xung quanh. Việc quan sát mây và tầm nhìn ban đêm được thực hiện tốt nhất từ một địa điểm không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng ngoại lai.

- Tài liệu của Tổ chức khí tượng thế giới "Hướng dẫn quan trắc – Manual observation" quy định: Khi thực hiện quan trắc bằng mắt đối với các thành phần như mây, tầm nhìn thịnh hành, thời tiết, vị trí của trạm quan trắc có thể ngay liền kề với văn phòng khí tượng.

- Tài liệu JO 7210.3CC của FAA khuyến cáo: Để đưa ra các điều kiện khí tượng trong khu vực tiếp cận, cất hạ cánh của tàu bay, vị trí quan trắc nên được đặt gần tại vị trí ARP, tốt nhất không quá 2NM. Vị trí quan trắc cũng cần đảm bảo không bị cản trở tầm nhìn khi quan sát đường CHC bằng thiết bị với khu vực tiếp cận chót và tối thiểu một nửa của một góc phần tư đường chân trời.

- Theo QCVN 46:2022/BTNMT, "Quan trắc thủ công là việc xác định tầm nhìn ngang bằng mắt dự trên các tiêu điểm và cấp tầm nhìn ngang đã được xác định từ trước".

- Tại Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO về Dịch vụ hàng không theo Quyết định số 2561/QĐ-CHK ngày 25/10/2024 của Cục Hàng không Việt Nam, tại mục 5.3.5 cũng nêu rõ: "Vị trí của nhân viên thực hiện quan trắc khí tượng sân bay phải bảo đảm quan sát được toàn bộ đường CHC".

Do vậy, với hoạt động khai thác đặc thù của ngành hàng không, việc lựa chọn vị trí quan trắc tầm nhìn ngang khí tượng hàng không sẽ phải đáp ứng tiêu chí quan trắc rõ tầm nhìn khu vực sân bay, không bị che khuất khi quan trắc tầm nhìn của 02 đầu đường CHC.

b. Đề xuất vị trí quan trắc

Lựa chọn vị trí quan trắc của nhân viên quan trắc khí tượng tại Đài kiểm soát không lưu phù hợp với những quy định sau:

- Đài kiểm soát không lưu có vị trí giúp việc quan sát với tầm nhìn rộng, thường không bị cản trở tầm nhìn. Hệ thống kính tại Đài kiểm soát không lưu đảm bảo yêu cầu quang học, hình ảnh quan sát được không bị biến dạng và hạn chế tối đa phản xạ của kính. Đồng thời hệ thống kính này còn đảm bảo không làm giảm tầm nhìn trong một số điều kiện cụ thể.

- Phù hợp với yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam và định hướng của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam.

4.2. Yêu cầu về tiêu điểm:

a. Yêu cầu về đo đạc, quan trắc

Việc đo đạc, quan trắc hệ thống tiêu điểm tầm nhìn tại các sân bay được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Nguyên tắc xác định tiêu điểm được ưu tiên áp dụng cho 2 phân khu trên tuyến trục đường CHC là phân khu 1 và 2 cho ban ngày và ban đêm. Trong đó, 4 phân khu 90 độ được xác định dựa trên hướng trục đường cất hạ cánh chủ yếu theo nguyên tắc mở đều 45 độ mỗi bên trục.

- Trong trường hợp không xác định được số lượng tiêu điểm tối thiểu ban ngày hoặc ban đêm như số lượng dự kiến cho phân khu 1 và phân khu 2; xác định tiêu điểm bổ sung thuộc các phân khu 3 và 4 trên từng dải cự ly.

- Các dải cự ly liên quan đến tiêu chuẩn khai thác tối thiểu sân bay được sử dụng để xác định các tiêu điểm phù hợp, tùy vào điều kiện cụ thể theo các phân khu.

- Khi xác định một tiêu điểm cho mỗi dải cự ly cụ thể thì tiêu điểm đó phải nằm trong khoảng từ giá trị dải cự ly đó đến giá trị cự ly nhỏ hơn dải cự ly kế tiếp. Ví dụ: Khi xác định tiêu điểm cho dải cự ly 50m thì tiêu điểm phải nằm trong khoảng cự ly từ 50m cho đến 174m trong đó 174m là giá trị nhỏ hơn dải cự ly 175m kế tiếp.

- Khi xác định một tiêu điểm cho dải cự ly 10km thì tiêu điểm đó phải nằm trong khoảng từ 10km đến 12km. Tuy nhiên, nếu ở cự ly này không thể chọn đủ số lượng tiêu điểm theo yêu cầu thì có thể xem xét cự ly xa hơn để bổ sung thêm số tiêu điểm còn thiếu.

b. Yêu cầu về tính chất của tiêu điểm

Một tiêu điểm tốt phải có các điều kiện sau:

- Màu sẫm, không thay đổi theo mùa hay rất ít thay đổi. Trường hợp bất đắc dĩ mới dùng các tiêu điểm màu trắng hay các màu nhạt khác.

- Tiêu điểm phải in trên nền trời. Có thể chọn tiêu điểm in trên bối cảnh khác (núi, rừng cây...) nhưng chỉ khi tiêu điểm có bờ ngoài rõ rệt và bối cảnh nằm ở khá xa tiêu điểm.

- Trường hợp bối cảnh sáng hơn tiêu điểm thì khoảng cách từ tiêu điểm đến bối cảnh phải ít nhất là 1,5 lần khoảng cách từ nơi quan trắc tới tiêu điểm. Nếu bối cảnh sẫm hơn thì khoảng cách ít nhất phải 2 lần.

- Kích thước góc của tiêu điểm không nhỏ hơn $0,5^0$.

- Góc nhìn cao của tiêu điểm không được lớn hơn 5- 6^0 trên mặt phẳng chân trời. Riêng trường hợp trạm miền núi, không thể có các tiêu điểm thấp thì có thể chọn các tiêu điểm có góc cao tới 11^0.

- Có thể chọn tiêu điểm ở bất cứ hướng nào, nhưng không nên chọn các tiêu điểm cạnh đường nhiều bụi, gần nhà máy nhiều khói, trên mặt đồng lầy hay có sương mù.

- Tài liệu của Tổ chức khí tượng thế giới "Hướng dẫn quan trắc - Manual observation" quy định: Nên sử dụng các đèn với ánh sáng màu đỏ từ tháp truyền hình, đài phát thanh hoặc các tòa nhà, đường phố không tập trung đèn, bảng hiệu đèn neon có cường độ vừa phải để sử dụng làm tiêu điểm tầm nhìn ngang ban đêm.

c. Yêu cầu về số lượng tiêu điểm:

Việc xác định số lượng các tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng hàng không dựa trên nguyên tắc:

- Tiêu điểm được xác định dựa trên các vật mốc có tính chất ổn định, lâu dài hiện có trong khu vực sân bay.

- Căn cứ theo tình hình thực tế tại các sân bay, các tiêu điểm được xác định nên:

+ Hỗ trợ xác định tầm nhìn tại các ngưỡng thay đổi trong bản tin METAR/SPECI: 800m, 1500m, 3000m, 5000m, ngưỡng khai thác của sân bay cho cất cánh, hạ cánh (tiêu chuẩn khai thác tối thiểu).

+ Hỗ trợ xác định tầm nhìn lớn hơn hoặc bằng 10 km.

+ Hỗ trợ xác định tầm nhìn theo các bước báo cáo tầm nhìn trong bản tin METAR/SPECI:

Khi tầm nhìn nhỏ hơn 800m được báo cách nhau 50m

Khi tầm nhìn lớn hơn hoặc bằng 800m nhưng nhỏ hơn 5km được báo cáo cách nhau 100m

Khi tầm nhìn lớn hơn 5km nhưng nhỏ hơn 10km được báo cách nhau 1km

+ Đối với dải cự ly nhỏ hơn 800m, đề xuất tìm kiếm các vật mốc để xây dựng tối thiểu 4 tiêu điểm cho mỗi phân khu (PK1, PK2) vào ban ngày và ban đêm (số lượng sẽ tăng thêm trong trường hợp tìm kiếm được nhiều vật mốc nhưng cần đảm bảo sự thuận lợi cho nhân viên quan trắc trong quá trình tác nghiệp, tránh các vật mốc có cự ly gần nhau).

+ Ưu tiên xác định các tiêu điểm cho 2 phân khu trên tuyến trục đường CHC (cả ban ngày và ban đêm); trong đó ưu tiên xác định tối thiểu 2 tiêu điểm cho mỗi phân khu này để đảm bảo phương án dự phòng (bao gồm cả các tiêu điểm hiện hữu được đánh giá trên lý thuyết là có tính khả thi trong việc sử dụng). Tuy nhiên, lưu ý việc xác định

các tiêu điểm để xác định các ngưỡng tầm nhìn gần nhau cần tính đến việc hạn chế các tiêu điểm gần nhau, gây khó khăn cho người quan trắc trong quá trình tác nghiệp.

+ Các tiêu điểm không sử dụng được sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp không được dùng để xác định tầm nhìn tại các ngưỡng thay đổi trong bản tin METAR/SPECI (800m, 1500m, 2000m, 3000m, 5000m) và ngưỡng khai thác của sân bay cho cất cánh, hạ cánh (tiêu chuẩn khai thác tối thiểu).

+ Trường hợp Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang hiện tại đã có các tiêu điểm dùng để xác định các ngưỡng thay đổi trong bản tin METAR/SPECI, không thực hiện bổ sung các tiêu điểm tại các ngưỡng này (trừ trường hợp tiêu điểm không sử dụng được nữa).

+ Đối với các sân bay hiện chỉ khai thác vào thời điểm ban ngày, số lượng tiêu điểm tối thiểu của 2 phân khu ưu tiên cần xác định là 1; các ngưỡng xác định cự ly trong trường hợp nhỏ hơn ngưỡng khai thác cho tàu bay cất cánh, hạ cánh tại sân bay thì số lượng tiêu điểm tối thiểu của 2 phân khu ưu tiên cần xác định là 1.

+ Hỗ trợ việc phát báo RVR (ngưỡng phát báo RVR là 2000m) (ưu tiên cho các sân bay quốc tế).

4.3. Số lượng tiêu điểm:

TT	Cự ly (m)	Tiêu chí	Số tiêu điểm ban ngày dự kiến				Số tiêu điểm ban đêm dự kiến				Cộng (PK1 + PK2)
			PK1	PK2	PK3	PK4	PK1	PK2	PK3	PK4	
1	50	RVR	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
2	175	RVR	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
3	300	RVR	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
4	550	RVR	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
5	800	SPECI	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
6	1500	SPECI	2	2	BS	BS	2	2	BS	BS	8
7	2000	RVR	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
8	3000	SPECI	2	2	BS	BS	2	2	BS	BS	8
9	5000	SPECI	2	2	BS	BS	2	2	BS	BS	8
10	>10000	KVLC	1	1	BS	BS	1	1	BS	BS	4
Tổng:			**26**				**26**				**52**

4.4. Kế hoạch, thời gian thực hiện:

Do hiện trạng sân bay quốc tế Long Thành vẫn đang trong quá trình xây dựng. Khu vực xung quanh ATC vẫn chưa định hình hoàn thiện, các địa vật trong sân bay cũng đang trong công tác hoàn thiện và lắp đặt thiết bị. Vì vậy dự kiến dự án thi công làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thi công đo đạc xây dựng các tiêu điểm ban ngày ở dải cự ly từ 800 m trở lên và các tiêu điểm ban đêm ở dải cự ly từ 3000 m trở lên trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Giai đoạn 2: Thi công đo đạc xây dựng các tiêu điểm còn lại trong vòng 15 ngày kể từ ngày khu vực xung quanh ATC đã định hình hoàn thiện, các địa vật trong sân bay đã hoàn thiện và lắp đặt thiết bị và được hai bên thống nhất thời điểm đo đạc.

TT	Sân bay quốc tế Long Thành	Số lượng tiêu điểm dự kiến		
		Ban ngày	Ban đêm	Tổng
1	Giai đoạn 1	18	10	**28**
2	Giai đoạn 2	08	16	**24**
	Tổng cộng	**26**	**26**	**52**

5. Yêu cầu khác:

- Thiết bị, vật tư sử dụng cho công tác đo đạc, quan trắc, vẽ sơ đồ Hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng đều do Bên B chịu trách nhiệm theo đúng quy định. Bên B chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục có liên quan trong quá trình sử dụng thiết bị, vật tư cho hợp đồng này. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh khi sử dụng thiết bị thuộc về Bên B.

Phụ lục 2

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 161 /2025/HĐTV/QLB-PTKHKT)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí đo đạc, xây dựng và vẽ sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng sân bay Long Thành	Điểm	52	8.173.077	425.000.000
	Thuế VAT (8%):				34.000.000
	Tổng cộng (bao gồm VAT):				**459.000.000**

Phụ lục 3

DANH SÁCH NHÂN SỰ

(Kèm theo Hợp đồng số 161 /2025/HĐTV/QLB-PTKHKT)

STT	Họ và tên	Trình độ	Công việc thực hiện trong gói thầu
1	Lê Thanh Nghị	Thạc sỹ bản đồ viễn thám - GIS	Trưởng nhóm (Chủ trì)
2	Trần Xuân Lộc	Thạc sỹ bản đồ viễn thám - GIS	Chuyên gia thi công
3	Nguyễn Thế Hiệp	Thạc sỹ trắc địa - bản đồ	Chuyên gia thi công

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT Invoice)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ký hiệu *(Sign):* 1C25TYY
Số *(No):* **00000101**

Ngày (Date) 24 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00563025582DB5419982B106EF4CCAEFCA

Đơn vị bán hàng *(Supplier):* **TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT**
Mã số thuế *(Tax code):* **0100764383**
Địa chỉ *(Address):* Tầng 1 Nhà A, Trường ĐH Mỏ Địa Chất, số 18 phố Viên, Phường Đông Ngạc, TP Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại *(Tel):* 0354806361
Số tài khoản *(Bank account):* 1462201005013 Tại NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Tây Đô

Họ tên người mua hàng *(Buyer):*
Tên đơn vị *(Company's name):* TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH
Mã số thuế *(Tax code):* 0100108624
MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code):*
Địa chỉ *(Address):* Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội
Hình thức thanh toán *(Payment method):* Chuyển khoản
Số tài khoản *(Bank account):*

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Khối lượng hoàn thành đợt 1 của gói thầu: "Xây dựng sơ đồ hệ thống tiêu điểm tầm nhìn ngang khí tượng" Dự án thành phần 2 " Các Công trình phục vụ quản lý bay" thuộc dự án " Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1".(Hợp đồng số 161/2025/HĐTV-QLB-PTKHKT ngày 14/10/2025)				228.846.156
			Cộng tiền hàng: *(Total before VAT):*		**228.846.156**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):*	**8 %**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount):*		**18.307.692**
			Tổng tiền thanh toán *(Total amount):*		**247.153.848**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words):*	***Hai trăm bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng chẵn.***				

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT
Ký ngày: 24/11/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): E4H5HZ6V02N8
Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNCN
Ký hiệu: CT/26E
Số: 0000110

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP

[01] Tên tổ chức trả thu nhập: **TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

[02] Mã số thuế: **0100764383**

[03] Địa chỉ: **Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Số 18, Phố Viên, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội**

[04] Điện thoại: **0354806361**

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

[05] Họ và tên: **Lê Thanh nghị**

[06] Mã số thuế: **034087013679**

[07] Quốc tịch: **Việt Nam**

[08] Cá nhân cư trú: ☑ **[09]** Cá nhân không cư trú: ☐

[10] Địa chỉ: **Hà Nội - Việt Nam**

[11] Điện thoại liên hệ: **0988724861**

[12] Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu *(Trường hợp chưa đăng ký thuế)*: **034087013679**

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ

[13] Khoản thu nhập: **Tiền lương, tiền công**

[14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc: **0 VND**

[15] Khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học: **0 VND**

[16] Thời điểm trả thu nhập: Từ tháng **01** đến tháng **12** năm **2025**

[17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ: **37.000.000 VND**

[18] Tổng thu nhập tính thuế: **37.000.000 VND**

[19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ: **3.700.000 VND**

Hà Nội, *ngày* **24** *tháng* **03** *năm* **2026**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Ký bởi: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Ký ngày: 24/03/2026

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNCN
Ký hiệu: CT/26E
Số: 0000111

CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC TRẢ THU NHẬP

[01] Tên tổ chức trả thu nhập: **TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

[02] Mã số thuế: **0100764383**

[03] Địa chỉ: **Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Số 18, Phố Viên, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội**

[04] Điện thoại: **0354806361**

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

[05] Họ và tên: **Nguyễn Thế Hiệp**

[06] Mã số thuế: **019077000057**

[07] Quốc tịch: **Việt Nam**

[08] Cá nhân cư trú: ☑ **[09]** Cá nhân không cư trú: ☐

[10] Địa chỉ: **Hà Nội - Việt Nam**

[11] Điện thoại liên hệ: **0904865828**

[12] Số định danh cá nhân, giấy tờ tùy thân hoặc số hộ chiếu *(Trường hợp chưa đăng ký thuế)*: **019077000057**

III. THÔNG TIN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN KHẤU TRỪ

[13] Khoản thu nhập: **Tiền lương, tiền công**

[14] Khoản đóng bảo hiểm bắt buộc: **0 VND**

[15] Khoản từ thiện, nhân đạo, khuyến học: **0 VND**

[16] Thời điểm trả thu nhập: Từ tháng **01** đến tháng **12** năm **2025**

[17] Tổng thu nhập chịu thuế phải khấu trừ: **32.700.000 VND**

[18] Tổng thu nhập tính thuế: **32.700.000 VND**

[19] Số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ: **3.270.000 VND**

Hà Nội, *ngày* **24** *tháng* **03** *năm* **2026**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Ký bởi: TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Ký ngày: 24/03/2026